

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 29/04/2022

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT1150	Hoàng Đình An	14/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	5.5	Đạt	
2	CNTT1151	Hà Văn Tuấn Anh	10/10/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.5	Đạt	
3	CNTT1152	Ma Hồng Anh	25/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	6.0	Đạt	
4	CNTT1153	Nguyễn Thị Lan Anh	26/11/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt	
5	CNTT1154	Triệu Tuấn Anh	01/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	6.5	Đạt	
6	CNTT1155	Lành Hữu Ba	06/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.0	Đạt	
7	CNTT1156	Nguyễn Thị Bắc	12/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	6.0	Đạt	
8	CNTT1157	Hoàng Văn Bằng	12/09/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.5	Đạt	
9	CNTT1158	Hoàng Văn Bền	28/10/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7.5	6.0	Đạt	
10	CNTT1159	Mè Thị Bích	31/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt	
11	CNTT1160	Vi Văn Biên	02/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.0	6.0	Đạt	
12	CNTT1161	Ma Văn Cao	15/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt	
13	CNTT1162	Lê Thị Châm	03/12/1979	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.5	6.5	Đạt	
14	CNTT1163	Hoàng Minh Chiến	22/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt	
15	CNTT1164	Hoàng Thị Chúc	30/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.5	5.5	Đạt	
16	CNTT1165	Trần Văn Cương	03/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt	
17	CNTT1166	Hồ Mạnh Cường	03/07/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.7	6.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
18	CNTT1167	Lý Mạnh	Cường	29/11/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	5.0	Đạt	
19	CNTT1168	Nguyễn Văn	Dũng	12/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.2	5.5	Đạt	
20	CNTT1169	Nguyễn Văn Tiến	Dũng	22/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt	
21	CNTT1170	Nông Tiến	Dũng	12/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	5.5	Đạt	
22	CNTT1171	Đặng Văn	Duy	26/02/2004	Cao Bằng	Nam	Tày	7.2	6.5	Đạt	
23	CNTT1172	Hoàng Xuân	Duy	13/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
24	CNTT1173	Linh Văn	Duy	15/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.5	Đạt	
25	CNTT1174	Nguyễn Ngọc	Duy	29/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt	
26	CNTT1175	Vi Thị	Duyên	17/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	6.0	Đạt	
27	CNTT1176	Hứa Văn	Dương	08/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	6.0	Đạt	
28	CNTT1177	Lâm Văn	Dương	01/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.5	Đạt	
29	CNTT1178	Lý Văn	Đại	10/02/2004	Lạng Sơn	Nam	H'Mông	7.0	5.5	Đạt	
30	CNTT1179	Phan Văn	Đại	28/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt	
31	CNTT1180	Triệu Văn	Đạt	27/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
32	CNTT1181	Voòng Tiến	Đạt	22/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Hoa	6.2	6.5	Đạt	
33	CNTT1182	Hoàng Hải	Đăng	29/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	6.0	Đạt	
34	CNTT1183	Triệu Văn	Đăng	09/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.5	Đạt	
35	CNTT1184	Hoàng Văn	Điệp	09/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.0	Đạt	
36	CNTT1185	Nông Thị	Đôn	11/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	6.0	Đạt	
37	CNTT1186	Dương Quang	Đức	03/04/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7.0	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
38	CNTT1187	Nguyễn Tiến	Đức	30/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt	
39	CNTT1188	Nông Văn	Đức	16/09/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.0	6.0	Đạt	
40	CNTT1189	Hoàng Văn	Đường	11/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.7	5.5	Đạt	
41	CNTT1190	Hoàng Minh	Giang	10/01/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	5.5	Đạt	
42	CNTT1191	Hoàng Trường	Giang	30/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	5.5	Đạt	
43	CNTT1192	Hoàng Văn	Giống	30/09/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.7	6.0	Đạt	
44	CNTT1193	Nguyễn Quang	Hải	23/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	6.0	Đạt	
45	CNTT1194	Lành Văn	Hảo	20/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.7	5.0	Đạt	
46	CNTT1195	Dương Văn	Hiệp	13/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5.7	6.0	Đạt	
47	CNTT1196	Nông Văn	Hiếu	10/04/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.0	6.5	Đạt	
48	CNTT1197	Nguyễn Thị	Hoa	11/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Sán Dìu	7.2	5.5	Đạt	
49	CNTT1198	Hoàng Văn	Hòa	17/10/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	5.5	Đạt	
50	CNTT1199	Phạm Minh	Hòa	19/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6.2	5.5	Đạt	
51	CNTT1200	Lưu Thị	Hoài	24/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Hoa	6.5	6.0	Đạt	
52	CNTT1201	Triệu Thu	Hoài	28/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6.0	6.5	Đạt	
53	CNTT1202	Bùi Xuân	Hoàn	27/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.5	Đạt	
54	CNTT1203	Nông Văn	Hoàn	22/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	6.0	Đạt	
55	CNTT1204	Hà Văn	Hoàng	04/07/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
56	CNTT1205	Lăng Văn	Hoàng	28/09/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7.0	6.5	Đạt	
57	CNTT1206	Lê Văn	Hoàng	07/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
58	CNTT1207	Trương Việt	Hoàng	10/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.0	Đạt	
59	CNTT1208	Vi Việt	Hoàng	02/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5.5	6.5	Đạt	
60	CNTT1209	Hoàng Văn	Hoạt	25/06/2004	Cao Bằng	Nam	Tày	6.0	6.0	Đạt	
61	CNTT1210	Vi Thị	Hồng	17/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	5.5	Đạt	
62	CNTT1211	Đặng Văn	Hùng	10/04/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
63	CNTT1212	Dương Văn	Huy	24/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	6.0	Đạt	
64	CNTT1213	Hoàng Văn	Huy	22/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt	
65	CNTT1214	Nông Đức	Huy	18/08/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.0	7.0	Đạt	
66	CNTT1215	Lê Thị Thanh	Huyền	18/10/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.0	8.0	Đạt	
67	CNTT1216	Hoàng Xuân	Hương	21/08/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.0	Đạt	
68	CNTT1217	Đào Thị	Hướng	08/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.0	Đạt	
69	CNTT1218	Nguyễn Văn	Khang	05/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.7	6.5	Đạt	
70	CNTT1219	Hoàng Văn	Khánh	25/04/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.5	5.5	Đạt	
71	CNTT1220	Nguyễn Quốc	Khánh	09/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.7	6.5	Đạt	
72	CNTT1221	Phùng Văn	Khuong	05/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	6.5	Đạt	
73	CNTT1222	Nguyễn Trung	Kiên	23/04/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt	
74	CNTT1223	Lâm Thị	Lan	26/10/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	6.0	Đạt	
75	CNTT1224	Triệu Văn	Lâm	22/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	7.0	Đạt	
76	CNTT1225	Triệu Quang	Lịch	27/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
77	CNTT1226	Triệu Văn	Liên	22/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6.2	6.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
78	CNTT1227	Đặng Thùy	Linh	22/09/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt	
79	CNTT1228	Hoàng Đình	Long	26/04/2004	Cao Bằng	Nam	Tày	6.2	6.5	Đạt	
80	CNTT1229	Nguyễn Thiện	Long	25/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt	
81	CNTT1230	Hoàng Thị	Luyện	09/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	5.5	Đạt	
82	CNTT1231	Hoàng Việt	Lương	16/06/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	7.0	6.0	Đạt	
83	CNTT1232	Dương Thị Hoài	Ly	22/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	5.5	Đạt	
84	CNTT1233	Hoàng Thảo	Ly	13/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	6.5	Đạt	
85	CNTT1234	Nguyễn Thành	Lý	27/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.0	Đạt	
86	CNTT1235	Lê Ngọc	Mai	14/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6.5	5.5	Đạt	
87	CNTT1236	Lành Văn	Mạnh	15/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.0	Đạt	
88	CNTT1237	Phùn Văn	Mạnh	15/08/2004	Bắc Giang	Nam	Dao	6.7	5.0	Đạt	
89	CNTT1238	Triệu Văn	Mạnh	12/01/2002	Cao Bằng	Nam	Dao	6.5	6.0	Đạt	
90	CNTT1239	Trương Văn	Mạnh	08/07/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7.7	5.5	Đạt	
91	CNTT1240	Chu Văn	Minh	28/06/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	5.7	6.0	Đạt	
92	CNTT1241	Đặng Phúc	Minh	24/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6.0	5.5	Đạt	
93	CNTT1242	Đặng Xuân	Nam	18/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	5.5	Đạt	
94	CNTT1243	Vi Văn	Nam	01/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	7.0	Đạt	
95	CNTT1244	Mai Văn Việt	Nga	28/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.0	Đạt	
96	CNTT1245	Nghiều Thị	Ngân	01/02/2004	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6.5	6.0	Đạt	
97	CNTT1246	Vũ Thị	Ngân	18/07/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.0	5.0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
98	CNTT1247	Hoàng Văn	Nghè	02/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.2	6.0	Đạt	
99	CNTT1248	Vi Văn	Nghiêm	21/11/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	6.2	5.0	Đạt	
100	CNTT1249	Nguyễn Đức	Nghiêm	21/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.0	5.5	Đạt	
101	CNTT1250	Mai Hồng	Ngọc	13/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	6.0	Đạt	
102	CNTT1251	Nông Thị	Ngọc	25/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	5.5	Đạt	
103	CNTT1252	Trần Thị Kim	Ngọc	26/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5.5	5.5	Đạt	
104	CNTT1253	Hoàng Khôi	Nguyên	09/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	7.5	Đạt	
105	CNTT1254	Hoàng Mạnh	Nguyên	25/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	5.0	Đạt	
106	CNTT1255	Lương Văn	Nguyên	15/09/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt	
107	CNTT1256	Ma Văn	Nguyễn	04/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	5.5	Đạt	
108	CNTT1257	Vi Thị	Nguyệt	07/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.0	6.0	Đạt	
109	CNTT1258	Hoàng Văn	Nhã	22/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	5.5	Đạt	
110	CNTT1259	Chu Văn	Phúc	10/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.0	Đạt	
111	CNTT1260	Nguyễn Thiện	Phúc	05/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt	
112	CNTT1261	Trần Ngọc	Phúc	17/12/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6.5	6.0	Đạt	
113	CNTT1262	Giáp Minh	Phụng	10/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	5.5	Đạt	
114	CNTT1263	Dương Hữu	Phương	24/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	6.0	Đạt	
115	CNTT1264	Lành Văn	Phương	20/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	6.0	Đạt	
116	CNTT1265	Nguyễn Thị Thu	Phương	12/04/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8.2	6.0	Đạt	
117	CNTT1266	Hoàng Minh	Quang	12/07/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.7	5.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
118	CNTT1267	Sầm Minh	Quang	20/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
119	CNTT1268	Triệu Sinh	Quân	30/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	7.2	6.0	Đạt	
120	CNTT1269	Triệu Tiến	Quân	24/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6.2	6.0	Đạt	
121	CNTT1270	Vi Thị	Quê	30/10/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	5.5	Đạt	
122	CNTT1271	Triệu Phúc	Quý	16/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6.5	5.0	Đạt	
123	CNTT1272	Vừ A	Quý	26/02/2004	Điện Biên	Nam	Mông	6.0	5.5	Đạt	
124	CNTT1273	Hoàng Văn	Quyển	20/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt	
125	CNTT1274	Hoàng Thanh	Sen	01/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.0	6.0	Đạt	
126	CNTT1275	Lý Ngọc	Sơn	01/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
127	CNTT1276	Vi Văn	Sơn	22/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	5.5	Đạt	
128	CNTT1277	Triệu Quang	Sự	27/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
129	CNTT1278	Hoàng Thị	Tâm	02/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7.0	5.5	Đạt	
130	CNTT1279	Đồng Văn	Thạch	30/05/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	8.2	7.5	Đạt	
131	CNTT1280	Nông Minh	Thái	07/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	5.5	Đạt	
132	CNTT1281	Dương Thị	Thanh	20/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	6.0	Đạt	
133	CNTT1282	Thân Văn	Thanh	28/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt	
134	CNTT1283	Triệu Văn	Thành	27/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
135	CNTT1284	Nguyễn Hà	Thăng	03/05/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.5	6.0	Đạt	
136	CNTT1285	Dương Công	Thắng	27/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.0	Đạt	
137	CNTT1286	Lê Văn	Thắng	18/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	-	-	-	Vắng thi

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
138	CNTT1287	Đồng Giáp	Thân	10/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt	
139	CNTT1288	Nông Hoàng	Thân	14/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	6.5	Đạt	
140	CNTT1289	Hoàng Văn Thanh	Thiên	26/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
141	CNTT1290	Nguyễn Ngọc	Thiện	20/10/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.5	Đạt	
142	CNTT1291	Hoàng Văn	Thiệt	02/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	6.0	Đạt	
143	CNTT1292	Dương Hữu	Thiều	10/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	6.0	Đạt	
144	CNTT1293	Triệu Văn	Thọ	06/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	7.7	6.0	Đạt	
145	CNTT1294	Nông Thị	Thùy	28/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5.7	6.5	Đạt	
146	CNTT1295	Lý Thị	Thủy	09/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chỉ	6.0	6.0	Đạt	
147	CNTT1296	Nông Văn	Thủy	27/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.2	6.5	Đạt	
148	CNTT1297	Triệu Thị	Thủy	02/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6.2	6.5	Đạt	
149	CNTT1298	Nguyễn Duy	Thương	27/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.2	7.5	Đạt	
150	CNTT1299	Hoàng Doãn	Thượng	29/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	6.5	Đạt	
151	CNTT1300	Hoàng Văn	Thượng	07/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	7.0	Đạt	
152	CNTT1301	Hứa Quyết	Tiến	25/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.2	6.0	Đạt	
153	CNTT1302	Vi Xuân	Tiến	09/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.2	6.0	Đạt	
154	CNTT1303	Lưu Quang	Tiêu	01/08/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	7.0	5.0	Đạt	
155	CNTT1304	Hoàng Thị	Toán	08/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6.2	6.0	Đạt	
156	CNTT1305	Hoàng Văn	Toàn	09/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	6.0	Đạt	
157	CNTT1306	Nguyễn Văn	Toàn	10/12/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	5.5	6.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
158	CNTT1307	Ma Văn	Tôn	22/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	6.0	Đạt	
159	CNTT1308	Đặng Thị Thúy	Trà	09/11/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	6.5	Đạt	
160	CNTT1309	Chu Văn	Trang	23/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7.5	6.5	Đạt	
161	CNTT1310	Đồng Thị Thùy	Trang	19/08/2004	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6.2	7.0	Đạt	
162	CNTT1311	Nguyễn Tiến	Trình	27/06/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	7.0	7.0	Đạt	
163	CNTT1312	Dương Hữu	Trường	07/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.0	Đạt	
164	CNTT1313	Hoàng Xuân	Trường	13/11/2004	Bắc Giang	Nam	Sán Dìu	6.0	5.5	Đạt	
165	CNTT1314	Trần Đan	Trường	11/12/2004	Bắc Giang	Nam	Tày	5.7	6.5	Đạt	
166	CNTT1315	Vũ Văn	Trường	08/01/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	5.5	Đạt	
167	CNTT1316	Lý Văn	Trường	05/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.5	6.0	Đạt	
168	CNTT1317	Nguyễn Anh	Tú	29/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6.7	5.5	Đạt	
169	CNTT1318	Triệu Khánh	Tú	01/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.5	6.0	Đạt	
170	CNTT1319	Hoàng Viêt	Tuân	12/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.7	7.0	Đạt	
171	CNTT1320	Vũ Duy	Tuân	10/03/2004	Ninh Bình	Nam	Kinh	5.7	6.5	Đạt	
172	CNTT1321	Hoàng Trọng	Tuấn	01/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	6.5	Đạt	
173	CNTT1322	Lục Văn	Tuấn	25/04/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	7.2	6.0	Đạt	
174	CNTT1323	Vi Quốc	Tuấn	14/03/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	7.0	Đạt	
175	CNTT1324	Hoàng Thanh	Tùng	19/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.5	Đạt	
176	CNTT1325	Trịnh Thanh	Tùng	08/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	5.5	Đạt	
177	CNTT1326	Vi Văn	Tuyên	18/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	6.0	Đạt	
178	CNTT1327	Nguyễn Ánh	Tuyết	06/06/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7.5	6.0	Đạt	
179	CNTT1328	Vi Văn	Tư	11/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.0	7.0	Đạt	
180	CNTT1329	Hoàng Mạnh	Tường	30/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
181	CNTT1330	Hoàng Mạnh	Tường	01/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.7	6.5	Đạt	
182	CNTT1331	Lâm Thị	Vàng	23/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Sán Chỉ	6.5	6.5	Đạt	
183	CNTT1332	Ma Thanh	Vân	27/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.5	7.0	Đạt	
184	CNTT1333	Nghiều Văn	Viện	12/01/2004	Bắc Giang	Nam	Nùng	6.2	5.5	Đạt	
185	CNTT1334	Nguyễn Đình	Việt	11/02/2004	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.5	6.0	Đạt	
186	CNTT1335	Nông Trung	Việt	14/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.5	Đạt	
187	CNTT1336	Lục Công	Vinh	09/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7.0	6.5	Đạt	
188	CNTT1337	Lường Anh	Vĩnh	02/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6.2	6.0	Đạt	
189	CNTT1338	Trần Anh	Vũ	22/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	6.0	Đạt	
190	CNTT1339	Triệu Phúc	Vượng	14/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	6.2	6.5	Đạt	
191	CNTT1340	Đàm Viết	Xuân	18/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6.0	5.5	Đạt	
192	CNTT1341	Vũ Văn	Xuân	11/05/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6.2	6.0	Đạt	
193	CNTT1342	Nguyễn Thị	Yến	03/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7.5	5.5	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: **193**

Số thí sinh vắng thi: **1**

Số thí sinh dự thi: **192**

Số thí sinh đạt yêu cầu: **192**

Số thí sinh không đạt yêu cầu: **0**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 04 tháng 5 năm 2022

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Nguyễn Công Thành